

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày 06-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thọ**

Bà Lê Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Kiên** – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2025/QĐST – HS ngày 31 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Đức T**, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1994 tại xã V, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 9 (Q), xã V, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Hồng T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (mẹ đẻ - đã chết), bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (mẹ kế); Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: 02 tiền án.

Bản án số 44/2018/HS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bản án số 19/2019/HS-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm*”, xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi*”, thi hành xong hình phạt tù ngày 21/7/2024, đến ngày 01/6/2025 chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa).

2. **Hà Văn C**, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2004 tại xã T, tỉnh P; Nơi cư trú: Thôn 9 Phi L (Liên X), xã V, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình

độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn C, sinh năm 1983 (bố đẻ), ông Trần Văn , sinh năm 1984 (bố dượng) và bà Phùng Thị N, sinh năm 1982; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Đặng Văn H, sinh năm 2003

Nơi cư trú: Khu 7 (Quang H), xã V, tỉnh P.

(Anh H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 01/6/2025, Trịnh Đức T, sinh năm 1994 cùng anh Trịnh Văn D, sinh năm 1998 cùng trú tại: Khu 9 (xã Quang H), xã V, tỉnh P và Hà Văn C, sinh năm 2004, trú tại: Thôn 9, Phi L (xã Liên X), xã V, thành phố H cùng rủ nhau đi uống bia tại nhà anh Lê Văn Q, sinh năm 1986 ở cùng khu 9 (xã Quang H), xã V, tỉnh P. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Trịnh Đức T đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu nâu, biển kiểm soát: 30H5 - 1055 chở Hà Văn C còn anh Trịnh Văn D đi xe mô tô một mình, 03 người đi đến đập Phương Thịnh thuộc khu 15 (xã Lam S), xã V, tỉnh P chơi. Khi đi, T đeo một túi chéo bằng vải màu đen trước bụng bên trong có hai bao thuốc lá và sạc điện thoại, C đeo một túi chéo bằng vải màu đen trước bụng bên trong đựng một chiếc kéo bằng kim loại cùng một số đồ vật khác như: Ốc vít; kìm; tua vít...(C là thợ cơ khí). Lên đến bờ đập Phương Thịnh, nhóm của T gặp chị Đồng Thị C, sinh năm 1994 và chị Mai Thị Diệu L, sinh năm 1996 là người cùng xã đang ngồi chơi tại bờ đập, do quen biết nên T và D đến ngồi nói chuyện với hai người này còn C ngồi một mình tại thềm bờ đập gần đó.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi T và D đang ngồi nói chuyện cùng với chị C và chị L thì có anh Vũ Trọng Đ, sinh năm 2006, trú tại: Khu 7, xã T, tỉnh P đi xe mô tô chở anh Hoàng Bảo T, sinh năm 2004, trú tại: Khu 7 (xã Quang H), xã V, tỉnh P và Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2007, trú tại: phố Hạ S, xã Thanh S, tỉnh P đi xe mô tô một mình lên bờ đập rồi dừng xe ở phía ngoài cách vị trí nhóm của T đang ngồi khoảng 05 mét, anh Tuấn có quen biết với Trịnh Văn Dũng nên một mình đi bộ lại nói chuyện với D còn Đ và D ngồi trên xe. Khoảng 03 phút sau anh Đặng Văn H, sinh năm 2003, trú tại: Khu 7 (xã Quang H), xã V, tỉnh P đi xe mô tô chở chị Lê Thị Kiều T, sinh năm 2001, trú tại: Khu 3, xã C, tỉnh P đến (H và T là bạn của T, D và Đ, trước đó năm người này có uống bia cùng nhau) và dừng xe phía ngoài bờ đập, sau đó H đi bộ lại vị trí T đang đứng nói chuyện với D. Quá trình nói chuyện giữa Đặng Văn H và Trịnh Đức T xảy ra mâu thuẫn do H khi đi đến đã chiếu đèn xe mô tô vào nhóm của T đang ngồi. Hai bên có lời qua tiếng lại với nhau, thấy vậy chị Lê Thị Kiều T đã kéo H đi về vị trí để xe mô tô nhưng H và T vẫn tiếp tục có lời qua tiếng lại, chửi nhau. T đi về phía H đồng thời nói với Hà Văn C lúc này đang ngồi ở thềm bờ đập là “...*Lại đây cu...*”, biết T đang có mâu

thuần với anh H, có thể xảy ra đánh nhau nên khi thấy T nói như vậy thì Hà Văn C đã đứng dậy đi theo T.

Sau đó, Trịnh Đức T và Đặng Văn H tiếp tục chửi, to tiếng với nhau và hai người xảy ra xô sát đánh nhau bằng tay. Trong lúc xô sát anh H đã dùng tay phải đâm một cái trúng vào vùng trán của T làm T ngã xuống mặt bờ đập. Lúc này T nhớ ra trong túi đeo của Hà Văn C có để một chiếc kéo (hàng ngày T và C đi làm cơ khí cùng nhau nên T biết trong túi đeo của C có để kéo). T vùng dậy chạy lại phía C đang đứng phía sau (cách T khoảng hơn 01 mét). T hỏi “*Kéo có trong túi không cu*” thì C trả lời “*Có đây cậu*” rồi C kéo khóa túi đeo trước ngực ra lấy một chiếc kéo dài khoảng 15 cm, mũi kéo bằng kim loại, chuôi bọc nhựa và quần bằng dính màu đen đưa cho T (Khi đưa kéo C nhận thức được việc T lấy kéo của mình là để giải quyết mâu thuẫn với H, có thể là đánh nhau, gây thương tích nhưng vì C và T có mối quan hệ cậu cháu trong gia đình nên C vẫn đưa kéo cho T).

Sau khi lấy được kéo, T chạy về phía anh H và C đi theo phía sau. Khi lại gần đứng đối diện cách anh H khoảng 01 mét, T cầm kéo bằng tay phải, mũi kéo hướng về thân người của mình rồi vùng tay phải đâm ngang kéo từ phải sang trái, hướng mũi kéo về phía anh H đang đứng một nhát nhưng không trúng. Sau đó, T bị ngã xuống bờ đập, thấy vậy C đã lao vào anh H, dùng hai tay đâm vào người phía trên của anh H đồng thời áp sát ôm anh H từ phía sau rồi dùng tay trái quàng, kẹp cổ kéo vít đầu anh H xuống để đâm, giữa anh H và C rằng co nhau nên tư thế đứng không cố định. Lúc này T vẫn cầm kéo bằng tay phải và lao vào đâm ngang kéo từ phải sang trái khoảng 03 nhát thì trúng 01 nhát vào hốc nách bên phải và 01 nhát vào thái dương trái của anh H, đồng thời đâm 01 nhát trúng vào khuỷu tay bên phải của C. Sau khi bị đâm trúng hốc nách phải và thái dương trái anh H ngồi xuống, còn C bị T đâm kéo trúng khuỷu tay nên cũng bỏ anh H ra. Lúc này mọi người xung quanh hô lên nên T biết H bị thương tích và không lao vào nữa, mọi người có mặt kéo, đẩy T ra xa anh H nên đã làm T bị ngã xuống mặt đập làm cho chiếc kéo T đang cầm ở tay phải bị rơi, không biết cụ thể vị trí nào. T, C và D sau đó đi xe mô tô về nhà, anh H được các bạn đưa về nhà, sau đó do vết thương ở hốc nách bên phải và thái dương trái chảy nhiều máu nên anh H được đưa đến Trung tâm y tế khu vực Tam Nông để cấp cứu và điều trị. H điều trị tại Trung tâm y tế khu vực Tam Nông đến ngày 10/6/2025 thì ra viện.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, chị Lê Thị Kiều T đã báo tin đến Công an xã L, huyện T, tỉnh P và chuyển tin đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P. Ngày 04/6/2025, bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970 là mẹ đẻ của anh Đặng Văn H có đơn đề nghị giám định thương tích và đề nghị xử lý hình sự những người đã gây thương tích cho anh H.

Hà Văn C bị vết xước ngoài da dài 04cm ở khuỷu tay phải và Trịnh Đức T bị sưng nề, xây sát ở vùng trán bên trái, bàn tay phải và vai trái. Về những thương tích trên Hà Văn C và Trịnh Đức T kiên quyết từ chối giám định đối với thương tích của bản thân và không yêu cầu, đề nghị gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trưng cầu giám định thương tích của anh Đặng Văn H. Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên

người sống số 59/KLTTCT/TTPY ngày 05/6/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Thọ, kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- *Vết thương vùng mặt bên trái (vị trí thái dương trái): 03%.*
- *Vết thương số một ngực bên phải (vị trí hốc nách bên phải): 01%.*
- *Vết thương số hai ngực bên phải (vết mổ dẫn lưu): 01%.*
- *Vỡ lún cả 2 bản xương sọ thái dương bên trái kích thước 0,4cm: 21%.*
- *Tổn thương màng phổi bên phải phẫu thuật đặt dẫn lưu nhưng không để lại di chứng: 03%.*

- Tại thời điểm khám giám định ngón I bàn tay bên phải không để lại tổn thương nên Trung tâm pháp y không có căn cứ xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

- Tại thời điểm giám định bệnh nhân đang điều trị vết thương hở nên Trung tâm pháp y chưa đánh giá được hết các tổn thương.

Áp dụng phương pháp cộng tại thông tư: 27,14%. Làm tròn: 27%.

2. Kết luận tại thời điểm giám định:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Đặng Văn H là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

- Cơ chế hình thành thương tích: Vết thương vùng mặt bên trái và vỡ lún cả 2 bản xương sọ thái dương bên trái, vết thương số một ngực bên phải, tổn thương màng phổi phải: Do tác động của vật sắc nhọn gây nên; Vết thương số hai ngực bên phải: Do Bác sỹ làm phẫu thuật để điều trị.”

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung thương tích của anh Đặng Văn H (do lần giám định trước đó anh H đang điều trị vết thương hở nên Trung tâm pháp y chưa đánh giá được hết các tổn thương). Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số A101/KLTTCTTTPY ngày 20/8/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh P, kết luận:

“Tại thời điểm giám định bổ sung anh Đặng Văn H không có tổn thương gì thêm...”

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Đặng Văn H sau khi giám định bổ sung tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 59/KLTTCT/TTPY ngày 05/6/2025 là: 27% (Hai mươi bảy phần trăm).”

Sau khi được thông báo kết luận giám định, anh Đặng Văn H, Trịnh Đức T và Hà Văn C đều đồng ý với bản kết luận giám định thương tích cũng như bản kết luận giám định thương tích bổ sung. Căn cứ kết quả giám định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trịnh Đức T và Hà Văn C về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự và ra Lệnh tạm giam đối với Trịnh Đức T và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Hà Văn C.

Tại cơ quan điều tra, Trịnh Đức T và Hà Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi cố ý gây thương tích của mình đối với anh Đặng Văn H vào ngày ngày 01/6/2025 như đã nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được. Quá trình điều tra, T tự nguyện giao nộp 01 quần đùi vải thể thao màu xanh, ở dọc

hai bên quần có đường kẻ màu trắng, quần đã cũ qua sử dụng (là quần T mặc khi gây thương tích cho anh H) và 01 túi chéo màu đen. Chính tự nguyện giao nộp 01 túi chéo màu đen (là túi đựng chiếc kéo T sử dụng gây thương tích cho anh H). Đối với chiếc kéo T sử dụng gây thương tích cho anh H, quá trình xảy ra xô sát T đã làm rơi tại đập nước Phương Thịnh, cơ quan điều tra đã thực hiện truy tìm nhưng không tìm thấy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trưng cầu giám định đối với chiếc kéo theo mô tả của Trịnh Đức T và Hà Văn C. Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P có thông báo số 90/TBKTN-PC09, thông báo: *“Từ chối tiếp nhận trưng cầu giám định đối với Quyết định trưng cầu giám định nêu trên do đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không có giá trị để kết luận giám định tư pháp.”*

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Đặng Văn H yêu cầu các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C bồi thường số tiền 120.147.000đồng (gồm các khoản chi phí điều trị tại Trung tâm y tế khu vực Tam Nông, tiền công người chăm sóc và lao động trong 10 ngày, tiền bồi thường tổn hại sức khỏe do bị gây thương tích). Tuy nhiên Trịnh Đức T và Hà Văn C chưa bồi thường được khoản tiền nào.

Xác minh tài sản xác định: Các bị cáo hiện đang sống cùng với gia đình, không có tài sản riêng gì có giá trị, là lao động tự do và có thu nhập không ổn định.

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-KV4 ngày 24/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ truy tố các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C về tội *“Cố ý gây thương tích”* quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Đức T và điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức T và bị cáo Hà Văn C phạm tội *“Cố ý gây thương tích”*.

- Áp dụng điểm d, đ, khoản 2, Điều 134; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt đối với Trịnh Đức T từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2025.

- Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt đối với Hà Văn C từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2025.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T và C nói lời sau cùng đều rất ân hận về hành vi của mình, qua phiên tòa ngày hôm nay bị hại là anh Đặng Văn H vắng mặt nhưng các bị cáo gửi lời xin lỗi anh H và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được trở về với gia đình và sống cuộc đời có ích cho gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra - Công an tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Xét thấy bị hại đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai, phù hợp với lời khai bị hại và phù hợp với vật chứng thu giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 21 giờ 00 phút ngày 01/6/2025, tại bờ đập Phương Thịnh thuộc khu 15 (xã Lam S), xã V, tỉnh P, do trước đó giữa Trịnh Đức T và Đặng Văn H có xảy ra mâu thuẫn nên hai bên đã chửi nhau rồi xô sát đánh nhau bằng tay không. Quá trình xô sát, H có dùng tay phải đâm trúng vào vùng trán của T làm T ngã xuống mặt bờ đập. Sau khi bị đánh ngã, T đã bảo Hà Văn C đưa 01 chiếc kéo có mũi bằng kim loại dài khoảng 15 cm của C, T cầm kéo bằng tay phải đâm ngang kéo từ phải sang trái trúng 01 nhát vào hóc nách bên phải và 01 nhát vào thái dương trái của anh H, gây tổn hại 27% (Hai mươi bảy phần trăm) sức khỏe cho anh Đặng Văn H.

Đối với Hà Văn C: Trước khi xảy ra xô sát thì giữa T và C không bàn bạc, không phân công nhiệm vụ gì. Hà Văn C biết T và H có mâu thuẫn với nhau, khi T hỏi mượn kéo thì C nhận thức được và biết T lấy kéo của mình để làm hung khí giải quyết mâu thuẫn với H, nhưng C không can ngăn mà vẫn lấy kéo đưa cho T để gây thương tích cho anh H. Sau đó, C cũng dùng tay không đánh anh H, đồng thời dùng hai tay ôm H từ phía sau rồi dùng tay trái quàng vào cổ kéo vít đầu anh H xuống để đâm, cùng lúc T dùng kéo đâm anh H, thể hiện rõ sự tiếp nhận ý chí với nhau giữa T và C trong việc gây thương tích cho H. Vì vậy, trong vụ án này C đồng phạm với T về hành vi cố ý gây thương tích cho anh H với vai trò là người thực hành.

Hành vi của Trịnh Đức T và Hà Văn C đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại: Điểm d, đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với T và điểm đ, khoản 2, Điều 134 Bộ luật Hình sự đối với C.

Điều 134, Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Dùng hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

d, Tái phạm nguy hiểm;

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.”

[2.2]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người. Quyền này được Hiến Pháp và Pháp luật bảo vệ, đòi hỏi các cá nhân và các chủ thể khác trong xã hội phải tôn trọng, nhưng các bị cáo thiếu ý thức, bị cáo T dùng hung khí nguy hiểm (chiếc kéo) để đâm anh H gây thương tích cho anh H 27%.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình gây ra.

[2.3]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo Hà Văn C có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Trịnh Đức T có 02 tiền án và chưa được xóa án tích, về tiền sự: không có.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và lỗi của các bị cáo gây ra là do một phần lỗi của người bị hại là anh H khi đánh nhau đã gây thương tích cho T trước khi bị T và C gây thương tích. Sau khi phạm tội bị cáo C đã nhờ bố bị cáo là ông Trần Văn B bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Phú Thọ (theo Biên lai thu tiền số 0001732 ngày 31/12/2025 và Biên lai thu tiền số 0000024 ngày 06/01/2026), trước khi xét xử để khắc phục hậu quả của bị cáo gây ra nên bị cáo C được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ đó là bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, căn cứ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo cần áp

dụng hình phạt tù, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

[2.4]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Đặng Văn H đề nghị các bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí gồm:

- Tiền theo hóa đơn về chi phí thuốc men điều trị, viện phí trong 10 ngày (từ ngày 01/6/2025 đến ngày 10/6/2025) điều trị tại Trung tâm Y tế Tam Nông là: 13.347.489 đồng.

- Tiền công lao động do anh H nghỉ việc 10 ngày là: 3.800.000đ.

- Tiền công người chăm sóc trong 10 ngày của mẹ anh H là: 3.000.000đ.

- Tiền bồi thường tổn hại sức khỏe, tinh thần: 100.000.000đ.

Tổng cộng các khoản tiền anh H đề nghị là: 120.147.000đ (Một trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại anh Đặng Văn H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn H. Tại Tòa hôm nay các bị cáo đều nhất trí bồi thường các khoản tiền cho bị hại gồm:

- Tiền theo hóa đơn về chi phí thuốc men điều trị, viện phí trong 10 ngày (từ ngày 01/6/2025 đến ngày 10/6/2025) điều trị tại Trung tâm Y tế Tam Nông là: 13.347.489 đồng.

- Tiền công lao động do anh H nghỉ việc 10 ngày là: 3.800.000đ.

- Tiền công người chăm sóc trong 10 ngày của mẹ anh H là: 3.000.000đ.

Đối với số tiền bồi thường tổn hại sức khỏe, tinh thần: 100.000.000đ do bị hại đề nghị, các bị cáo không nhất trí khoản tiền này vì cho rằng như vậy là quá cao, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết khoản tiền này theo quy định của pháp luật.

Xét thấy các bị cáo T, C thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cho anh H có nguyên nhân do lỗi của bị hại một phần. Ngày 24 tháng 10 năm 2025, Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh P đã ra quyết định xử phạt hành chính số 251/QĐ – XPHC bằng hình thức phạt tiền 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi cố ý gây thương tích nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ – CP của Chính Phủ đối với anh Đặng Văn H, vì vậy yêu cầu của bị hại là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần, cụ thể:

- Chấp nhận tiền theo hóa đơn về chi phí thuốc men điều trị, viện phí trong 10 ngày (từ ngày 01/6/2025 đến ngày 10/6/2025) điều trị tại Trung tâm Y tế Tam Nông là: 13.347.489 đồng.

- Chấp nhận tiền công lao động do anh H nghỉ việc 10 ngày là: 3.800.000đ.

- Chấp nhận tiền công người chăm sóc trong 10 ngày của mẹ anh H là: 3.000.000đ.

- Chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của bị hại đối với số tiền bồi thường tổn hại sức khỏe, tinh thần là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Tại phiên tòa hôm nay bị hại vắng mặt nên không có đề nghị gì, ngoài ra bị hại cũng có lỗi là nguyên nhân gây nên hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, xét thấy cần

buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại một khoản tiền để bị hại bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, tinh thần do các bị cáo gây ra nên chấp nhận bằng 15 lần mức lương cơ sở là $15 \times 2.340.000$ đồng bằng 35.100.000 đồng là phù hợp.

Vì vậy, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng cộng số tiền là 55.247.489 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

Xét thấy bị cáo C và T đều có lỗi trong vụ án này và không xác định được mức độ lỗi của mỗi bị cáo nên mỗi bị cáo C và T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với tỷ phần bằng nhau. Buộc các bị cáo C và T phải bồi thường mỗi người một phần bằng nhau cho anh H số tiền là 27.623.745đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Đối với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là tiền ông Trần Văn B là bố của bị cáo Hà Văn C đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại và tại phiên tòa ông Trần Văn B không yêu cầu giải quyết đối với số tiền trên, do đó không đề cập giải quyết.

[2.5]. Về vật chứng:

Đối với 01 (một) túi vải đeo chéo màu đen, có 05 ngăn khoá, mặt ngoài gắn miếng cao su có chữ “SPORT”; 01 (một) túi vải đeo chéo màu đen, có 03 ngăn khoá, trên túi thêu gắn miếng cao su có chữ “SPORT”; 01 (một) quần đùi vải màu xanh, ở dọc hai bên quần có sọc màu trắng, là tài sản của các bị cáo không liên quan hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T và bị cáo C.

[2.6]. Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi của Trịnh Đức T dùng hung khí nguy hiểm (chiếc kéo) mặc dù đâm vào vùng trọng yếu (vùng đầu, vùng hóc nách) trên cơ thể của Đặng Văn H, tuy nhiên động cơ, mục đích T lấy kéo làm hung khí để gây thương tích cho anh H. T không chuẩn bị hung khí từ trước, không có mục đích tước đoạt tính mạng của H, điều kiện ánh sáng trời tối nên T không xác định được đâm vào vùng nào trên cơ thể anh H. Khi xác định là mình đã đâm trúng người H thì T chủ động dừng lại mà không lao vào tấn công gây thương tích cho H nữa. Anh H sau khi bị đánh vẫn tỉnh táo, được bạn đưa về nhà sau đó đưa đến cấp cứu và điều trị tại Trung tâm y tế khu vực Tam Nông, đến ngày 10/6/2025 thì ra viện. Thương tích của anh H do bị T đâm không nguy hiểm đến tính mạng ngay tức khắc nếu không được cấp cứu kịp thời. Do đó hành vi của Trịnh Đức T không có dấu hiệu phạm tội “*Giết người*” theo Án lệ 47/2021/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*Về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại*” là đúng quy định pháp luật.

Đối với chiếc kéo T dùng gây thương tích cho anh H đã bị T làm rơi, cơ quan điều tra đã thực hiện truy tìm nhưng không tìm thấy và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P đã có thông báo từ chối tiếp nhận trưng cầu giám định do đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không có giá trị để kết luận giám định tư pháp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với hành vi “*Sử dụng vũ khí quân dụng*” trong vụ án này là phù hợp.

Đối với anh Đặng Văn H đã có hành vi dùng tay đánh Trịnh Đức T, T chỉ bị sưng nề, xây sát ở vùng trán bên trái ngoài ra không bị thương tích gì khác.

Thiện kiên quyết từ chối giám định đối với thương tích của bản thân và không yêu cầu, đề nghị gì nên hành vi của Đặng Văn Hải chỉ là vi phạm hành chính. Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng Văn Hải về hành vi trên là phù hợp.

[2.7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Trịnh Đức T.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Hà Văn C.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đức T và bị cáo Hà Văn C phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt:

Bị cáo Trịnh Đức T 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2025.

Bị cáo Hà Văn C 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C phải bồi thường mỗi người một phần bằng nhau cho anh Đặng Văn H số tiền gồm:

- Tiền theo hoá đơn về chi phí thuốc men điều trị, viện phí trong 10 ngày (từ ngày 01/6/2025 đến ngày 10/6/2025) điều trị tại Trung tâm y tế Tam Nông là: 13.347.489đ (Mười ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

- Tiền công lao động do anh H nghỉ việc 10 ngày là 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tiền công chăm sóc trong 10 người của mẹ anh H là: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Tiền bồi thường tổn hại sức khỏe, tinh thần do bị gây thương tích là 15 lần mức lương cơ sở (2.340.000đ) là: 35.100.000đ (Ba mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C phải bồi thường cho anh H là: 55.247.489đ (Năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng).

Bị cáo Trịnh Đức T phải bồi thường cho anh Đặng Văn H số tiền là: 27.623.745đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Bị cáo Hà Văn C phải bồi thường cho anh Đặng Văn H số tiền là: 27.623.745đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Xác nhận bị cáo Hà Văn C và gia đình đã bồi thường số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) trước khi xét xử tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Phú Thọ (theo *Biên lai thu tiền số 0001732 ngày 31/12/2025 và Biên lai thu tiền số 0000024 ngày 06/01/2026*). Bị cáo Hà Văn C còn phải bồi thường cho anh Đặng Văn H số tiền là: 12.623.745đ (Mười hai triệu sáu trăm hai ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) túi vải đeo chéo màu đen, có 03 ngăn khoá, trên túi thêu gắn miếng cao su có chữ “SPORT”; 01 (một) quần đùi vải màu xanh, ở dọc hai bên quần có sọc màu trắng.

Trả lại cho bị cáo C: 01 (một) túi vải đeo chéo màu đen, có 05 ngăn khoá, mặt ngoài gắn miếng cao su có chữ “SPORT”.

(*Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Phú Thọ đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/12/2025*).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trịnh Đức T và Hà Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự trong hình sự:

Bị cáo Trịnh Đức T phải chịu tiền án phí dân sự theo giá ngạch là 5% của 27.623.745đ bằng 1.381.187đ (Một triệu ba trăm tám mươi một nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Bị cáo Hà Văn C phải chịu tiền án phí dân sự theo giá ngạch là 5% của 12.623.745đ bằng 631.187đ (Sáu trăm ba mươi một nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ

ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 4 – Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã V;
- UBND xã V;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thuỷ